| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ CHÍ LINH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 8 - 2017
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Mùi

2. Ông Phương Quốc Luyện

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2017/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST- DS ngày 07/8/2017, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

*2. Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thị xã C, tỉnh Hải Dương, xin vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T trình bày:* Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào ngày 28/10/2013, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó, anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh Trần Văn T tại thôn Đ, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Theo anh Trần Văn T thì vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 4 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm

hiểu nhau ít nên chưa hiểu hết tính cách của nhau, chị Nguyễn Thị T sống không trung thực với anh, tự ý vay tiền của nhiều người để chi tiêu cá nhân không trao đổi, bàn bạc với anh. Anh động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị T không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay, không liên lạc và không quan Trần Văn T gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Theo chị Nguyễn Thị T thì vợ chồng sống với nhau được khoảng 1 tuần thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm trong việc chi tiêu kinh tế gia đình, anh Trần Văn T đi làm có tiền lại đưa cho mẹ đẻ, không chi tiêu cho sinh hoạt chung của vợ chồng. Anh Trần Văn T nhiều lần bảo chị về vay hoặc xin tiền của gia đình chị, chị không đồng ý thì anh Trần Văn T chửi bới và đuổi chị. Đến tháng 4/2014, anh Trần Văn T đuổi chị đã về sống cùng mẹ đẻ tại khu dân cư Đ, phường H, thị xã C cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không liên lạc và quan Trần Văn T gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Trần Văn T không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh Trần Văn T.

Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T đều xác định vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T, xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự  xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn T: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau ngày 28/10/2013, trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh nên xác định

quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh chị chỉ sống với nhau trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cơ bản là do trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau nhau ít, chưa hiểu rõ tính cách của nhau nên khi về chung sống đã sớm bộc lộ mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống, cách chi tiêu kinh tế gia đình. Đã hơn 3 năm nay anh chị sống ly thân, không quan Trần Văn T gì đến nhau, cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Trần Văn T xin ly hôn, chị Nguyễn Thị T đồng ý. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung và tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T đều xác định vợ chồng không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Trần Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên:***

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nuyễn Thị T.

- Về con chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Trần Văn T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000114 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh Trần Văn T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND thị xã Chí Linh;
- Chi cục THADS thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Lâm**